

PHÁP LUẬT MUA LẠI VÀ SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM: GÓC NHÌN PHÁP LÝ TỪ HOA KỲ

● VĂN CẬP HUY - PHẠM VĂN ĐẠT

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích thực trạng, vấn đề về pháp luật mua lại, sáp nhập doanh nghiệp tại Việt Nam như kiểm soát mua lại, sáp nhập doanh nghiệp dựa trên góc độ quản lý tập trung kinh tế. Bên cạnh đó, tác giả cũng đưa ra những kiến nghị và các giải pháp để hoàn thiện những vấn đề còn phát sinh pháp luật trong hoạt động mua lại và sáp nhập doanh nghiệp tại Việt Nam.

Từ khóa: mua lại và sáp nhập, Luật Cạnh tranh, tập trung kinh tế, Luật Chống độc quyền Hoa Kỳ.

1. Đặt vấn đề

Hoạt động mua lại và sáp nhập doanh nghiệp (M&A) là nhu cầu tất yếu của nền kinh tế. Tuy nhiên, việc thực thi pháp luật về hoạt động này tại Việt Nam còn tồn tại một số bất cập, hạn chế nhất định. Những tồn tại của pháp luật liên quan đến hoạt động M&A là một trong những vấn đề vẫn chưa thực sự được giải quyết triệt để tại Việt Nam, dẫn đến có nhiều khó khăn hạn chế trong khi áp dụng pháp luật trên thực tế.

Do vậy, việc nghiên cứu các quy định pháp luật về M&A tại Việt Nam trên cơ sở đối chiếu với pháp luật về M&A của Hoa Kỳ, một trong những quốc gia có hệ thống pháp lý lâu đời và chặt chẽ liên quan đến hoạt động M&A, từ đó rút ra những kinh nghiệm giúp hoàn thiện pháp luật về M&A tại Việt Nam là cần thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Một số khái niệm

Thuật ngữ “Mergers and Acquisitions” thường được dùng để chỉ hoạt động mua lại và sáp nhập

doanh nghiệp. Tại Việt Nam, có nhiều thuật ngữ chỉ M&A, như: “mua lại và sáp nhập”, “mua bán và sáp nhập” hay “thâu tóm và hợp nhất”.

Theo Andrew & Milledge (2009), sáp nhập là sự kết hợp giữa hai hay nhiều công ty. Thông qua việc sáp nhập, có sự chuyển giao tài sản và nghĩa vụ nợ của công ty bán sang công ty mua. Mua lại là việc công ty mua tài sản, chi nhánh hoặc toàn bộ công ty khác, nhằm mở rộng thị trường hoặc đa dạng hóa sản phẩm.

Tại Việt Nam, Luật Cạnh tranh 2018 (LCT 2018) quy định sáp nhập doanh nghiệp là việc một hoặc một số doanh nghiệp chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình sang một doanh nghiệp khác, đồng thời chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc doanh nghiệp bị sáp nhập chấm dứt sự tồn tại của mình. Mua lại là hành vi một doanh nghiệp mua toàn bộ phần vốn góp, mua một phần vốn góp, hoặc thực hiện mua lại tài sản của doanh nghiệp khác. Việc mua lại này đủ để

khiến cho doanh nghiệp mua lại kiểm soát, chi phối doanh nghiệp mua lại, hoặc cũng có thể là doanh nghiệp bị mua lại bị chi phối một ngành, nghề của mình bởi doanh nghiệp mua lại. Luật Doanh nghiệp 2020 quy định việc sáp nhập trên cơ sở việc tổ chức lại doanh nghiệp như một hoặc một nhóm doanh nghiệp này chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình vào một doanh nghiệp khác, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của mình.

3. Khung pháp lý điều chỉnh hoạt động M&A tại Việt Nam

Luật Cạnh tranh 2018: theo đó M&A thuộc hành vi tập trung kinh tế (TTKT), do đó, hoạt động M&A bị cấm trong trường hợp việc M&A tạo ra thị phần kết hợp của những công ty tham gia TTKT gây tác động hoặc khả năng tác động hạn chế cạnh tranh (HCTC) một cách đáng kể cho thị trường Việt Nam.

Luật Doanh nghiệp 2020: đưa ra khái niệm, trình tự, thủ tục cho giao dịch M&A. Dù chưa có những định nghĩa rõ ràng về giao dịch M&A, nhưng nó cũng có quy định cụ thể về M&A đối với mỗi loại hình doanh nghiệp, như: Điều 17 về thành lập, góp vốn, mua cổ phần/phần vốn góp và quản lý doanh nghiệp; Điều 51 và 52 về mua lại và chuyển nhượng phần vốn góp; Điều 126 và 127 về bán và chuyển nhượng cổ phần; Điều 198, 199 và 200 về chia, tách và hợp nhất doanh nghiệp; Điều 201 về thủ tục, hồ sơ, trình tự đăng ký doanh nghiệp nhận sáp nhập.

Luật Chứng khoán 2019: quy định việc chia, tách, sáp nhập công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán cần Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận trước khi thực hiện.

Luật Đầu tư 2020: có 2 hình thức M&A. Theo đó, hoạt động M&A là một trong các hình thức đầu tư trực tiếp. Có thể thực hiện mua lại công ty bằng cách mua lại một phần/toàn bộ/chi nhánh, của công ty và nhà đầu tư có quyền góp vốn, mua cổ phần/phần vốn góp vào tổ chức kinh tế (Điều 24); nhà đầu tư nước ngoài có thể đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế (Điều 25 và Điều 26).

Luật Thương mại 2005 và Bộ luật Dân sự 2015: quy định hoạt động M&A trên cơ sở hợp

đồng giữa các bên, như: hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, chuyển nhượng phần vốn góp, mua bán tài sản, liên doanh,...

Ngoài những văn bản pháp luật nêu trên, khi thực hiện hoạt động M&A còn liên quan đến các vấn đề khác như: thuế, kế toán, lao động;... Theo đó, mỗi lĩnh vực sẽ có văn bản pháp luật điều chỉnh riêng. Bên cạnh đó, còn có những hướng dẫn như Nghị định số 35/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của LCT; Nghị định số 75/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực cạnh tranh; Nghị định số 03/2023/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia (UBCTQG);

Nhìn chung, hoạt động M&A tại Việt Nam được quy định chủ yếu tại: Bộ luật Dân sự 2015; Luật Doanh nghiệp 2020; Luật Cạnh tranh 2018, Luật Chứng khoán 2019, Luật Đầu tư năm 2020 và phù hợp với các cam kết quốc tế liên quan đến hoạt động M&A mà Việt Nam là thành viên.

Pháp luật về kiểm soát hoạt động mua lại, sáp nhập doanh nghiệp: chủ yếu tập trung kiểm soát các hoạt động TTKT có khả năng tác động tiêu cực đến môi trường cạnh tranh chủ yếu dựa vào các cơ chế sau:

Thứ nhất, cấm những trường hợp TTKT gây tổn hại đến cạnh tranh;

Thứ hai, kiểm soát các trường hợp có khả năng tổn hại đến cạnh tranh;

Thứ ba, các trường hợp TTKT được tự do thực hiện;

Thứ tư, các trường hợp TTKT được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và cho phép thực hiện hoặc được hưởng miễn trừ trong một số trường hợp cụ thể đối với các giao dịch TTKT bị cấm.

4. Khung pháp lý điều chỉnh hoạt động M&A tại Hoa Kỳ

Đạo luật Sherman (Sherman Antitrust Act, 1890): là đạo luật đầu tiên điều chỉnh vấn đề cạnh tranh của Hoa Kỳ quy định hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh (HCCT) bị cấm; đạo luật này điều chỉnh đối với các công ty độc quyền lớn vào nửa cuối thế kỷ XVIII, nhằm mục đích cấm các thỏa thuận HCCT cũng như độc quyền hóa. Đạo luật này chỉ điều chỉnh hoạt động TTKT trong hoạt

động mua bán chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của các công ty.

Đạo luật Clayton (Clayton Antitrust Act, 1914) bổ sung Đạo luật Sherman. Đạo luật Clayton bổ sung 4 hành vi bị cấm, bao gồm: ký kết hợp đồng mang tính độc quyền, phân biệt đối xử về giá, kiêm nhiệm chức vụ, chiếm vốn giữa các công ty. Đạo luật điều tiết những vấn đề cạnh tranh phát sinh do TTKT bằng cách cấm việc sáp nhập có khả năng dẫn tới độc quyền hoặc gây ra HCCT đáng kể trên thị trường.

Đạo luật về Ủy ban Thương mại liên bang (Federal Trade Commission Act, 1914) (FTC) thành lập Cơ quan quản lý cạnh tranh (CQQLCT) là Ủy ban Thương mại Liên bang (UBTMLB) giám sát tình hình thực thi pháp luật cạnh tranh và đưa làm hàng giả, quảng cáo gian dối vào các hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

Đạo luật Robinson-Patman (Robinson Patman Act, 1936) bổ sung Đạo luật Clayton, theo đó, bổ sung hành vi bán phá giá hàng hóa trong nước, đồng thời phân biệt với bán phá giá trong nước và bán phá giá tại thị trường nước ngoài.

Đạo luật Celler-Kefauver (Celler Kefauver Act, 1950) quy định hạn chế, kiểm soát trong việc tạo ra các tổ chức kinh tế độc quyền hoặc HCCT bằng việc M&A. Đạo luật này củng cố Đạo luật Sherman và Clayton khi điều chỉnh việc TTKT giữa các công ty trong cùng chuỗi giá trị hoặc TTKT đa dạng hóa. Ngoài ra, Đạo luật này cũng giúp xác định TTKT không chỉ là gồm chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp mà còn có những phương thức khác như mua bán tài sản mà những đạo luật trước chưa điều chỉnh.

Đạo luật chống độc quyền nâng cao Hart-Scott-Rodino (Hart Scott Rodino Antitrust Improvement Act, 1976) bổ sung những biện pháp tiền kiểm thông qua cơ chế thông báo TTKT vào các chế định chống độc quyền trước đó. Cụ thể hơn, đôi khi trước lúc thực hiện theo một quy trình luật định, các chủ thể phải tiến hành thông báo về hoạt động TTKT của mình với cơ quan có thẩm quyền và chịu sự điều chỉnh của các Cục Chống độc quyền trực thuộc Bộ Tư pháp (BTP) và UBTMLB có quyền rà soát các nội dung liên quan đến cạnh tranh trong

các giao dịch đồng thời biện pháp hành chính từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đây là cơ sở pháp lý điều chỉnh thủ tục rà soát của chính phủ trong các vụ sáp nhập và thu tóm.

4.1. Quy định kiểm soát sáp nhập theo chiều ngang tại Hoa Kỳ

Quy định được đề cập tại mục 1 đến mục 7 của Đạo luật Clayton, theo đó các giao dịch sáp nhập bị cấm nếu nó có thể làm hạn chế đáng kể cạnh tranh hoặc có khả năng tạo ra độc quyền. Ngoài ra, theo mục 1 đạo luật Sherman, giao dịch sáp nhập sẽ bị cấm nếu chúng có khả năng tạo ra sự kết hợp hoặc âm mưu hạn chế thương mại. Bên cạnh đó, tại mục 5 đạo luật FTC quy định mọi giao dịch sáp nhập đều bị cấm nếu hành vi này tạo ra sự cạnh tranh không công bằng. Những quy định chính về sáp nhập theo chiều ngang bao gồm Hướng dẫn sáp nhập 1984 của BTP Hoa Kỳ, tuyên bố về sáp nhập theo chiều ngang 1982 của UBTMLB. Để quyết định giao dịch sáp nhập theo chiều ngang có thể thực hiện hay không các cơ quan tiến hành đánh giá các yếu tố bao gồm sự tập trung thị trường, các tác động HCCT tiềm ẩn, sự gia nhập thị trường, hiệu quả và thất bại.

Thứ nhất, về tập trung thị trường, nếu các giao dịch sáp nhập không làm tăng mức độ tập trung thị trường một cách đáng kể hoặc không tạo ra thị trường tập trung thì không cần phân tích thêm. Khi đánh giá yếu tố này, các cơ quan tập trung vào việc thay đổi về cầu. Tại Hoa Kỳ, trong trường hợp không có sự phân biệt giá, thì thị trường liên quan (TTLQ) được xem xét bằng sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm và một khu vực địa lý. Trường hợp có sự phân biệt giá cho những nhóm người mua khác nhau, thì TTLQ là tập hợp những sản phẩm bán cho nhóm người mua nhất định. Sau khi xác định được TTLQ, cơ quan sẽ tiến hành đo lường dựa trên số lượng người tham gia và mức độ tập trung. Việc xác định công ty tham gia thị trường dựa vào phản ứng nguồn cung đối với việc tăng giá “nhỏ, nhưng đáng kể và không nhất thời”. Việc phân tích về thị trường và cách đo lường này được áp dụng chung cho các công ty trong và ngoài nước. Khi các công ty tham gia sáp nhập được xem xét là sáp nhập theo chiều ngang thì các cơ quan đánh giá sẽ xem xét

các yếu tố thị trường sản phẩm và địa lý, thị phần và đánh giá mức độ tập trung thị trường. Cụ thể:

Một là, thị trường sản phẩm liên quan: trong trường hợp không có phân biệt giá thì thị trường sản phẩm liên quan được xem xét trên cơ sở phản ứng của người mua ở một hoặc một số sản phẩm khi có sự tăng giá “nhỏ nhưng đáng kể và không nhất thời” trong trường hợp các điều kiện bán hàng khác không đổi. Trong trường hợp có sự phân biệt giá, CQQLCT sẽ sử dụng một hoặc nhiều cách khác nhau để xem xét nhằm xác định thị trường sản phẩm liên quan trên cơ sở giả định công ty sáp nhập thu được lợi nhuận khi áp mức tăng giá “nhỏ nhưng đáng kể và không nhất thời” đối với từng sản phẩm riêng biệt.

Hai là, thị trường địa lý: khi không có sự phân biệt giá sẽ dựa trên vị trí của công ty sáp nhập sản xuất hoặc phân phối sản phẩm để đặt ra những câu hỏi giả định trong trường hợp công ty này áp đặt một mức tăng giá “nhỏ nhưng đáng kể và không nhất thời” trong điều kiện các điều khoản về bán hàng khác không thay đổi và xem xét phản ứng của người mua đối với việc tăng giá. Các thử nghiệm tăng giá sẽ được thực hiện mở rộng về khu vực địa lý đến khi xác định được khu vực mà việc công ty tăng giá ở mức “nhỏ nhưng đáng kể và không nhất thời” được áp đặt một cách có lợi nhất nhằm theo đuổi mục tiêu lợi nhuận. Khi này CQQLCT sẽ áp dụng nguyên tắc “thị trường nhỏ nhất” trên cơ sở đánh giá yếu tố cấu thành mức tăng giá “nhỏ nhưng đáng kể và không nhất thời” cũng như quyết định thay thế sản phẩm của người tiêu dùng. Khi có sự phân biệt giá, CQQLCT sẽ thực hiện đánh giá thị trường địa lý bổ sung gồm những khu vực địa lý mà người mua có thể bị công ty sáp nhập giả định có thể áp đặt mức tăng giá “nhỏ nhưng đáng kể và không nhất thời” theo hướng mang tính riêng biệt đối với từng người mua và có lợi cho công ty.

Ba là, việc tính toán thị phần: bằng việc đo lường doanh số bán hàng, sản lượng, công suất, lượng dự trữ hoặc lượng vận chuyển.

Bốn là, đánh giá mức độ tập trung của thị trường: sử dụng chỉ số HHI để đánh giá về mức độ tập trung thị trường trong việc kiểm soát sáp nhập doanh nghiệp.

Thứ hai, đánh giá tác động HCCT của việc sáp nhập: bao gồm HCCT thông qua sự thông đồng giữa các công ty; HCCT thông qua hành vi đơn phương của doanh nghiệp sáp nhập trong từng trường hợp cụ thể.

Thứ ba, phân tích đầu vào: thông qua (1) lựa chọn thay thế đầu vào của người mua trên cơ sở đánh giá tính kịp thời, khả năng một công ty tiềm năng gia nhập sản xuất, phân phối sản phẩm trên thị trường; (2) tính kịp thời của việc gia nhập thị trường được đánh giá dựa trên khả năng gia nhập thị trường kịp thời nhằm chống lại tác động HCCT trong thời gian đoạn từ 2 năm trở lên; (3) khả năng gia nhập trên cơ sở đánh giá quy mô khả thi tối thiểu; (4) tính đầy đủ của đầu vào trên cơ sở đánh giá liệu việc sáp nhập liên quan đến sản phẩm gần giống với sản phẩm công ty bị sáp nhập đến mức có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh trên thị trường hay không.

Thứ tư, đánh giá hiệu quả: CQQLCT có thể đánh giá hiệu quả của việc sáp nhập xem liệu nó có thể nâng cao khả năng cạnh tranh của công ty được sáp nhập như giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ hoặc tạo ra sản phẩm mới hay không. CQQLCT sẽ không phản đối việc sáp nhập nếu nó không tạo ra HCCT trên bất cứ TTLQ nào.

Thứ năm, đánh giá về tài sản của thương vụ sáp nhập: CQQLCT thực hiện đánh giá kết quả hoạt động sau sáp nhập trên TTLQ có tốt hơn nếu việc sáp nhập bị ngăn chặn hay không.

4.2. Quy định kiểm soát sáp nhập theo chiều dọc tại Hoa Kỳ

Bên cạnh quy định về sáp nhập theo chiều ngang thì BTP và UBTMLB Hoa Kỳ cũng có những quy định về việc kiểm soát sáp nhập theo chiều dọc như Mục 7 của đạo luật Clayton, Mục 1, 2 Đạo luật Sherman. Theo đó, Điều 7 Đạo luật Clayton nghiêm cấm việc M&A trong bất kỳ ngành hoặc hoạt động nào ảnh hưởng đến thương mại, hoặc gây ra HCCT, hoặc có xu hướng dẫn đến độc quyền trên phạm vi cả nước. CQQLCT tập trung đánh giá các nội dung sau:

Thứ nhất, chứng cứ về tác động cạnh tranh bất lợi: CQQLCT sẽ đánh giá trên cơ sở các chứng cứ có thể tạo ra tác động đáng kể đến HCCT.

CQQLCT sử dụng những chứng cứ được sử dụng trong mục 2.1 của nguyên tắc sáp nhập theo chiều ngang để đánh giá tác động của việc sáp nhập theo chiều dọc.

Thứ hai, thị trường, sản phẩm liên quan, thị phần, mức độ tập trung: CQQLCT thường sử dụng những nội dung quy định mục 4.1 và 4.2 Nguyên tắc sáp nhập theo chiều ngang để xác định TTLQ cho các giao dịch sáp nhập theo chiều dọc, từ đó tìm ra những chứng cứ có độ tin cậy và hợp lý nhằm xác định liệu giao dịch sáp nhập có tác động làm HCCT một cách đáng kể hay không.

Thứ ba, tác động về khả năng những hành vi đơn phương của công ty sáp nhập: CQQLCT đánh giá liệu việc công ty sáp nhập có thực hiện những hành vi như tăng giá, giảm chất lượng sản phẩm, từ chối cung cấp sản phẩm dịch vụ gây ảnh hưởng đến môi trường cạnh tranh trên TTLQ. Trong nội dung này, CQQLCT cũng cân nhắc giữa những lợi ích và tổn thất của giao dịch sáp nhập mang lại cho thị trường.

Thứ tư, tác động của sự thông đồng: đôi khi các giao dịch sáp nhập theo chiều dọc có thể gây ra sự thông đồng, dẫn đến HCCT gây tổn hại cho khách hàng trên TTLQ. CQQLCT cũng sử dụng những quy định tại Mục 7 Nguyên tắc sáp nhập theo chiều ngang để đánh giá tác động của sự thông đồng đối với việc sáp nhập theo chiều dọc. Theo đó, mục 7.1 đánh giá TTLQ sẽ dễ bị tổn hại bởi khả năng thông đồng xảy ra khi việc sáp nhập được thực hiện. Mục 7.2 đề cập đến những tiêu chí, cũng như chứng cứ nhằm đánh giá liệu thị trường có bị tổn hại bởi sự thông đồng đó hay không.

Thứ năm, hiệu quả đối với môi trường cạnh tranh: CQQLCT cũng đánh giá liệu việc sáp nhập theo chiều dọc có thể tạo ra hiệu quả nhằm mang lại lợi ích cho cạnh tranh, cũng như người tiêu dùng hay không. Theo đó, CQQLCT sử dụng phương pháp đánh giá nêu tại Mục 10 của Nguyên tắc sáp nhập theo chiều ngang để đánh giá nội dung này.

4.3. Pháp luật về xác định vị trí thống lĩnh của doanh nghiệp

Pháp luật Hoa Kỳ cũng như các nước tại châu Âu, Canada,... sử dụng nhiều tiêu chí đánh giá để xác định vị trí thống lĩnh thị trường. Theo đó, họ cho rằng công ty thống lĩnh phải có khả năng kiểm

soát thị trường, có vai trò chủ đạo và không chịu sự ràng buộc của thị trường. Ngoài ra, các án lệ tại Hoa Kỳ cũng cho thấy thị phần không phải là yếu tố duy nhất tạo nên sức mạnh thị trường (SMTT) cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo LCT 2018 của Việt Nam thì công ty có thị phần từ 30% trở lên trên TTLQ được xem là có vị trí thống lĩnh thị trường. Theo đó, việc áp dụng dụng phương pháp định lượng nhằm xác định vị trí thống lĩnh thị trường mà không cần chứng minh yếu tố khác. Điều này tạo thuận lợi cho cơ quan điều tra khi kết luận về vị trí thống lĩnh thị trường của công ty. Tuy nhiên, có khả năng tạo ra sai sót trong việc đưa ra kết luận về vị trí thống lĩnh thị trường đối với những công ty chưa đủ ngưỡng thị phần, nhưng lại có khả năng chi phối thị trường (thông qua tiềm lực về tài chính, mạng lưới hoặc công nghệ). Ngoài ra, LCT 2018 cũng đưa tiêu chí về SMTT đáng kể để đánh giá liệu doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường hay không và việc phân tích SMTT cũng được xem là rất quan trọng trong điều tra các vụ việc TTKT. Quy định này được hướng dẫn cụ thể tại điều 12 Nghị định số 35/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, quy định này cũng đối diện với những khó khăn nhất định, khi khó có thể lượng hóa chính xác được một số tiêu chí hoặc các khó khăn trong việc xây dựng ngưỡng chung để áp dụng đối với tất cả các thị trường (cần phải có tiêu chí và ngưỡng phù hợp với từng hàng hóa, dịch vụ, vì mỗi loại sẽ có những đặc thù riêng). Do đó, để thực hiện đánh giá SMTT thông qua các tiêu chí, phải dựa trên việc phân tích kinh tế đòi hỏi năng lực, trình độ chuyên môn cao của CQQLCT. Ngoài ra, cũng có những tiêu chí rất khó để xác định một cách chính xác như rào cản đối với sự gia nhập, lợi thế công nghệ, hạ tầng kỹ thuật hoặc tiềm lực tài chính cũng gây cản trở cho việc thực hiện xác định SMTT của doanh nghiệp.

4.4. Quy định về cơ quan quản lý M&A của Hoa Kỳ

Hoa Kỳ quản lý M&A thông qua các quy định pháp luật về quản lý chống độc quyền. Hoa Kỳ có 2 CQQLCT đó là Ủy ban Thương mại Liên bang (Federal Trade Commission) và Vụ Chống độc quyền (Antitrust Division).

Ủy ban Thương mại liên bang: về bản chất không thuộc một trong ba nhánh lập pháp, hành pháp, tư pháp mà là cơ quan điều tiết độc lập. Ủy ban được thành lập dựa trên cơ sở Luật về Ủy ban thương mại liên bang 1914. Ủy ban này có thẩm quyền về TTKT và cạnh tranh không lành mạnh.

Vụ Chống độc quyền: là cơ quan trực thuộc BTP, là một trong 37 Cục, Vụ của Hoa Kỳ. Theo Đạo luật Clayton 1914, Vụ Chống độc quyền hoạt động độc lập mặc dù thuộc BTP và có nhiệm vụ đại diện công tố của chính phủ trong vụ việc chống độc quyền như M&A hoặc vụ việc về phản cạnh tranh như lạm dụng vị trí thống lĩnh, thỏa thuận HCCT.

Hai cơ quan này có thẩm quyền song hành trong xử lý các vụ việc cạnh tranh nói chung, cũng như chống độc quyền nói riêng. Điều này tạo ra một số bất cập nhất định nên từ năm 1992, hai cơ quan trên đã có thỏa thuận phân chia thẩm quyền theo ngành, lĩnh vực kinh tế để thuận tiện cho việc điều hành quản lý. Mặc dù vậy, vẫn còn một số ngành nghề quan trọng thì cả hai cơ quan này đều có thẩm quyền xử lý theo nguyên tắc một trong hai cơ quan có kết luận về hành vi vi phạm luật cạnh tranh thì hành vi đó sẽ bị xử lý hoặc hành vi M&A được phép thực hiện hay không.

Pháp luật Hoa Kỳ cũng cho phép cơ chế kiện ra Tòa phúc thẩm liên bang Hoa Kỳ đối với các quyết định của UBTMLB.

4.4. Quy định về thị trường liên quan của Hoa Kỳ và Việt Nam

Tại Hoa Kỳ, khái niệm TTLQ được UBTMLB và BTP Mỹ nêu trong hướng dẫn sáp nhập doanh nghiệp theo chiều ngang năm 1992 (sửa đổi bổ sung năm 2010). Theo cách tiếp cận của Hoa Kỳ, khi xác định TTLQ chỉ dựa trên khả năng thay thế về cầu, sau đó có thể tính toán khả năng thay thế về cung trên toàn thị trường. Về mặt diễn đạt, khái niệm TTLQ theo LCT Việt Nam và Hoa Kỳ đều có điểm chung là đề cập đến tập hợp những sản phẩm, dịch vụ có thể thay thế cho nhau trong một khu vực địa lý nhất định. Khi xác định thị trường sản phẩm liên quan, các CQQLCT thường đánh giá cao và áp dụng phương pháp thử nghiệm

SSNIP (phương pháp xác định độc quyền dựa trên giải thiết) do tính phù hợp với những phân tích kinh doanh hiện nay.

Trên thực tế tại Việt Nam, trong việc xác định thị trường sản phẩm liên quan, các CQQLCT không áp dụng thử nghiệm SSNIP, mà chỉ dựa vào đặc tính và mục đích sử dụng hàng hóa dịch vụ để xác định TTLQ. Ngoài ra, khi xác định thị trường địa lý liên quan, pháp luật về cạnh tranh Việt Nam chỉ xem xét dựa trên 2 yếu tố là khả năng thay thế về cầu và khả năng thay thế về cung. Tuy nhiên, LCT 2018 tại Việt Nam lại có cách tiếp cận khác với Hoa Kỳ khi Việt Nam đưa yếu tố rào cản gia nhập thị trường vào để xác định thị trường địa lý liên quan. Còn Hoa Kỳ, khi xác định thị trường địa lý liên quan chủ yếu dựa trên khả năng thay thế về cầu, yếu tố rào cản gia nhập thị trường thường chỉ được sử dụng để xác định SMTT. Ngoài ra, LCT Việt Nam cũng không quy định yếu tố rào cản thị trường vào việc xác định thị trường sản phẩm liên quan, mặc dù đây cũng là yếu tố có thể tác động tới khả năng thay thế về cung cầu và phạm vi của TTLQ.

4.5. Quy định về cung cấp và công bố thông tin doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu thông tin về thị trường và ngành

Tại Hoa Kỳ, các quy định về công bố thông tin doanh nghiệp và xử phạt vi phạm về công bố thông tin đặc biệt là các doanh nghiệp niêm yết được quy định chặt chẽ và xử phạt rất nghiêm khắc. Ngoài ra, cơ sở dữ liệu về thị trường và ngành cũng được đánh giá và xây dựng mang tính hệ thống và rõ ràng. Điều này giúp cho công tác thẩm định TTKT được thuận lợi, rõ ràng và đảm bảo tính chính xác, từ đó đảm bảo hiệu quả thực thi và tính khách quan của các quyết định liên quan đến việc TTKT. Tại Việt Nam, hiện nay, các thông tin liên quan đến doanh nghiệp cũng chưa được chuẩn hóa, cũng chưa có cơ chế và ràng buộc trách nhiệm liên quan đến việc cung cấp thông tin. Điều này cũng dẫn đến thông tin được cung cấp không đầy đủ và chưa đảm bảo tính trung thực. Ngoài ra, thông tin TTLQ đến các

tiêu chí đánh giá về TTKT cũng còn nhiều hạn chế và khó cho CQQLCT có thể thu thập. Kết quả thẩm định của CQQLCT có thể chưa đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, nhiều tiêu chí còn mang tính chủ quan, thậm chí thời gian bị kéo dài, do nhiều thông tin về tiêu chí đánh giá khó thu thập, hoặc khó có thể thu thập đầy đủ, chính xác.

5. Một số đề xuất, kiến nghị

Từ những phân tích nêu trên, tác giả có một số đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến hoạt động M&A tại Việt Nam, cụ thể như sau:

Một là, xây dựng hệ thống thông tin và chia sẻ thông tin: Việc xây dựng hệ thống thông tin chuẩn hóa và các kênh chia sẻ thông tin doanh nghiệp và thị trường sẽ giúp cho quá trình thẩm định TTKT được chính xác hơn, từ đó giúp nâng cao hiệu quả thực thi cho các quyết định liên quan đến hoạt động M&A.

Hai là, cần đảm bảo tính độc lập của Ủy ban Cạnh tranh quốc gia: Trong đó, cần phải có một cơ chế để đảm bảo UBCTQG có tính độc lập; không chịu sự tác động, chi phối can thiệp của bất kỳ cơ quan thuộc Bộ, Ban, Ngành nào; chỉ hoạt động theo nhiệm vụ, quyền hạn pháp luật quy định.

Điều này giúp cho việc thực thi chức năng của Ủy ban này được đảm bảo tính độc lập khách quan trong quá trình xử lý các vụ việc về cạnh tranh.

Ba là, cần có thêm một đơn vị thuộc cơ quan pháp luật của quốc gia đảm nhiệm việc giám sát các quyết định của UBCTQG nhằm đảm bảo tính khách quan trong các quyết định mà Ủy ban đưa ra, tránh tình trạng quan liêu, lạm quyền trong quá trình thực thi pháp luật về cạnh tranh. Trong đó, cơ quan này phải có sự liên kết với các đơn vị thuộc các Bộ, Ban, Ngành có liên quan để nắm rõ phạm vi và các quy định về cạnh tranh, mua bán và sáp nhập.

6. Kết luận

Với mục tiêu phân tích những quy định của pháp luật và thực trạng thực hiện pháp luật M&A tại Việt Nam, bài viết đã chỉ ra một số tồn tại cần khắc phục và yêu cầu hoàn thiện cho hệ thống pháp luật Việt Nam. Đồng thời, tác giả đã phân tích một số điểm tương đồng và khác biệt giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật Hoa Kỳ về chủ đề nghiên cứu, từ đó đánh giá và vận dụng những ưu điểm của hệ thống pháp luật Hoa Kỳ để áp dụng vào việc hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động TTKT và M&A ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Andrew J. Sherman và Milledge A. Hart (2009). Mua lại và sáp nhập từ A đến Z. Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.
2. Chính phủ (2019). Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2019 v/v quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh.
3. Chính phủ (2020). Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 v/v quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh.
4. Chính phủ (2023). Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 2 năm 2023 v/v quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.
5. Quốc hội (2005). Luật số 36/2005/QH11: Luật Thương mại, ban hành ngày 15 tháng 6 năm 2005.
6. Quốc hội (2015). Luật số 91/2015/QH13: Bộ luật Dân sự, ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015.
7. Quốc hội (2018). Luật số 23/2018/QH14: Luật Cạnh tranh, ban hành ngày 12 tháng 6 năm 2018.
8. Quốc hội (2019). Luật số 54/2019/QH14: Luật Chứng khoán, ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019.

9. Quốc hội (2020a). Luật số 59/2020/QH14: Luật Doanh nghiệp, ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020.
10. Quốc hội (2020b). Luật số 61/2020/QH14: Luật Đầu tư, ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020.
11. U.S. Department of Justice and the Federal Trade Commission (1997). Horizon Merger Guidelines. [Online] Available at <https://www.justice.gov/archives/atr/1997-merger-guidelines>
12. U.S. Department of Justice and the Federal Trade Commission (2020). Vertical Merger Guidelines. [Online] Available at https://www.ftc.gov/system/files/documents/public_statements/1580003/vertical_merger_guidelines_6-30-20.pdf

Ngày nhận bài: 18/7/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 4/8/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 20/8/2024

Thông tin tác giả:

1. ThS. VĂN CẬP HUY

Khoa Kinh tế - Tài chính, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh

2. ThS. PHẠM VĂN ĐẠT

Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Ngoại ngữ Tin học TP. Hồ Chí Minh

VIETNAM'S BUSINESS ACQUISITIONS AND MERGERS LAWS: LEGAL PERSPECTIVE FROM THE U.S. REGULATIONS

● Master. **VAN CAP HUY**¹

● Master. **PHAM VAN DAT**²

¹Faculty of Economics - Finance,
Ho Chi Minh City University of Foreign Languages
and Information Technology

²Faculty of Business Administration,
Ho Chi Minh City University of Foreign Languages
and Information Technology

ABSTRACT:

This study examined the legal framework governing business acquisitions and mergers (M&A) in Vietnam from the perspective of economic concentration management. The study also offered actionable recommendations to enhance the legal framework of M&A and promote fair competition in the Vietnamese market.

Keywords: Mergers and Acquisitions, the Law on Competition, economic concentration, the US Antitrust Law.